

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-4-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hữu Thắng

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ liên lạc: Số C, đường C, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Mai Thị Thu H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số H, đường V (Q cũ), Khóm B, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh T thuộc Văn Phòng L – Đoàn luật sư tỉnh S (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2025 và lời trình bày của ông Nguyễn Xuân H tại đơn trình bày ý kiến ngày 19/02/2025, đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vụ án vắng mặt, ngày 19/3/2025:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, ông H và bà Mai Thị Thu H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/12/2009. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc được 08 tháng, thời gian về sau ông bà không quan tâm chăm sóc với nhau, đến khoảng tháng 8 năm 2010 ông H và bà H1 tự nguyện sống riêng. Về con chung: Có một con chung tên Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010. Về tài sản chung: ông bà không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị Thu H1.

Về con chung: Đối với cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010, ông H tôn trọng nguyện vọng của con là Mai Trường H2. Trường hợp Mai Trường H2 chung sống với ông H thì ông H đồng ý nuôi dưỡng Mai Trường H2 đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Mai Thị Thu H1 cấp dưỡng. Trường hợp Mai Trường H2 có nguyện vọng chung sống với mẹ là bà Mai Thị Thu H1, thì ông H đồng ý giao bà Mai Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu M Trường Huy đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Xuân H đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao trích lục); Giấy khai sinh cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010 (bản sao); Căn cước công dân có tên Nguyễn Xuân H chứng thực bản sao; Thủ tục ủy quyền nhận văn bản cho văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T; Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vụ án vắng mặt, ngày 19/3/2025;

- Bị đơn bà Mai Thị Thu H1 trình bày tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 3/4/2025, bà H1 trình bày: Bà H1 đồng ý ly hôn của ông Nguyễn Xuân H, các tình tiết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đều thống nhất theo lời

trình bày của ông H. Đối với việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng thì bà H1 đồng ý.

- Quá trình tố tụng, Tòa án lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Mai Trường H2 trình bày mong muốn nguyện vọng chung sống với mẹ, muốn mẹ bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T trình bày tại phiên tòa:* Theo đơn khởi kiện và ý chí của ông Nguyễn Xuân H, qua trình bày của bị đơn, nguyện vọng của cháu Mai Trường H2, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Mai Thị Thu H1. Về con chung: ông H đồng ý giao cho bà Mai Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu M Trường Huy đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Mai Thị Thu H1 thừa nhận, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà ông Nguyễn Xuân H đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Mai Thị Thu H1 và bà Mai Thị Thu H1 cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Mai Thị Thu H1 là bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm a,b Khoản 2 Điều

227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Mai Thị Thu H1.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do ông Nguyễn Xuân H cung cấp và bà Mai Thị Thu H1 không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H và bà Mai Thị Thu H1 xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/12/2009 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân H: Sau thời gian chung sống thì ông H, bà H1 phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010 đang chung sống với bà Mai Thị Thu H1, nguyện vọng cháu H2 chung sống với mẹ, ông Nguyễn Xuân H tôn trọng ý kiến của cháu H2. Nên Hội đồng xét xử giao cho bà Mai Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý chí của các đương sự, ông H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H2, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Địa điểm, phương thức cấp dưỡng ông H, bà H1 tự thỏa thuận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, cấp dưỡng theo khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Mai Thị Thu H1.

1.2/. Về con chung: Đối với cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010: Giao cho bà Mai Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Mai Trường H2, sinh ngày 23/11/2010, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/4/2025). Địa điểm, phương thức cấp dưỡng ông H, bà H1 tự thỏa thuận.

1.3/. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 600.000 đồng (án phí ly hôn, cấp dưỡng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008959 ngày 28/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Xuân H phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND Phường 7, thành phố ST;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như